

ĐÁNH GIÁ HIỆU LỰC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI ĐẠI HỌC – NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Bùi Thị Minh Hải

Viện Kế toán– Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: haypco@yahoo.com.vn

Phan Thị Thái Hà

Khoa Kế toán, Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

Email: thaiha.tueba@gmail.com

Ngày nhận: 24/6/2018

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2018

Ngày duyệt đăng: 05/8/2018

Tóm tắt:

Quản lý tài chính trong bối cảnh các đại học phải tự chủ tài chính là rất quan trọng. Quản lý tài chính giúp cho nhà quản trị các đại học có thể thực hiện mục tiêu về quản lý thu, chi trên cơ sở tuân thủ các quy định quản lý tài chính. Bài viết này nghiên cứu nội dung và đánh giá tính hiệu lực của quản lý tài chính – nghiên cứu điển hình tại Đại học Thái Nguyên năm 2016. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy hiệu lực quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên còn nhiều hạn chế như thu chưa đủ bù đắp chi, cơ cấu chi chưa hợp lý và thu nhập của cán bộ giảng viên còn thấp. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng thu từ các nguồn khác nhau và kiểm soát chi tại đơn vị nghiên cứu chặt chẽ hơn.

Từ khóa: Đại học, hiệu lực, quản lý tài chính.

Mã JEL: M20

Assessment of Effectiveness of Financial Management in Universities – The Case of Thai Nguyen University

Abstract:

Financial management in the context of financial autonomy in higher education institutions is very essential. It provides managers with reasonable assurance of goals or objectives achievement related to revenue and expenditure management based on established financial regulations. This paper assesses effectiveness of financial management in universities through the case of Thai Nguyen University in 2016. The study reveals that financial management in Thai Nguyen University was not effective due to limitations such as low employees' income, unreasonable expenditure structure, and revenues which could not cover expenditures. The study recommends that the university should raise its revenues from different sources and control its expenditures tightly.

Keywords: University, Effectiveness, Financial management.

JEL code: M20

1. Đặt vấn đề

“Đại học vùng” là mô hình tập hợp nhiều trường đại học, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, thích ứng với những thay đổi cơ bản và yêu cầu của nền kinh tế. So với các trường đại học, đại học vùng có nhiều ưu

thế trong việc tận dụng được cơ sở vật chất chung và nguồn lực giảng viên giữa các đơn vị thành viên và có thể mạnh về quy mô. Với chủ trương và cách làm mới, là một trong ba đại học vùng đầu tiên tại Việt Nam, Đại học Thái Nguyên thường xuyên tự hoàn

thiện, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra nguồn lao động chất lượng cao, khẳng định vai trò là đại học trọng điểm quốc gia và đáp ứng yêu cầu ngày một khắt khe hơn của xã hội. Song, trong lộ trình tiến tới việc áp dụng cơ chế tự chủ, Đại học Thái Nguyên cũng gặp phải không ít khó khăn, đặc biệt về mặt tài chính. Mức độ tự chủ tài chính của đơn vị thành viên trong đại học vẫn còn hạn chế, nhiều đơn vị mới thành lập và đang trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn nhưng nguồn thu lại hạn hẹp, ngân sách nhà nước theo xu hướng sẽ bị cắt giảm. Chính vì vậy, việc hiện thực hóa các mục tiêu cơ bản về quản lý tài chính như chi hợp lý, tiết kiệm chi, cân đối được thu chi và quản lý tốt dòng tiền, thu đúng và thu đủ học phí, nuôi dưỡng nguồn thu của các đơn vị thành viên và tổng thể đại học sẽ trở nên khó khăn hơn. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu điển hình trường hợp Đại học Thái Nguyên để đánh giá hiệu lực quản lý tài chính của đại học có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Bài viết này nhằm đánh giá tính hiệu lực của quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên trong bối cảnh tự chủ tài chính, từ đó đề xuất các khuyến nghị nhằm khắc phục các hạn chế trong quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Các nghiên cứu về quản lý tài chính trong các đại học trong bối cảnh tự chủ tài chính.

Quản lý tài chính là một vấn đề thường nhận được nhiều quan tâm của các nhà nghiên cứu dù trong các lĩnh vực hoạt động và các loại hình tổ chức, các đơn vị khác nhau. Quản lý tài chính trong các đại học cũng không phải là một ngoại lệ, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa, áp lực cạnh tranh giữa các đại học ngày càng gia tăng.

Estelle & cộng sự (1996) đã so sánh hiệu lực quản lý tài chính giáo dục khối công lập và dân lập tại Indonesia. Nhóm tác giả đã thực hiện điều tra, phân tích số liệu về chi phí, hiệu quả tương ứng với mức chi phí bỏ ra, thu nhập của cán bộ giảng viên trong các trường đại học, số sinh viên được tuyển dụng sau khi tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... để đưa các giải pháp khắc phục các bất cập trong quản lý tài chính ở khối trường công lập.

Michael & Pelagidis (2008) nhìn nhận vấn đề quản lý tài chính trong điều kiện áp dụng cơ chế tự chủ tài chính của các đại học là một vấn đề tất yếu xuất phát từ các thách thức đặt ra đối với đại học như vấn đề cạnh tranh quốc tế, yêu cầu đảm bảo chất lượng, sự hạn chế của ngân sách công tài trợ cho các

đại học. Hầu hết các nước thuộc Châu Âu đã trao quyền tự chủ tài chính và quản lý hành chính cho các tổ chức giáo dục đại học đồng thời đặt ra yêu cầu về trách nhiệm giải trình của các tổ chức này. Thông qua việc khảo sát 11 báo cáo liên quan của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), các tác giả đã nghiên cứu khả năng của các trường đại học trong việc thuê giảng viên và chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ giảng viên, lựa chọn sinh viên đầu vào và tự do quyết định nội dung chương trình học của mình; khảo sát xem các trường đại học đã phân bổ và sử dụng nguồn vốn của mình đúng hay chưa; đánh giá kết quả khoa học thông qua số ấn phẩm được trích dẫn cao; xây dựng chỉ số để đo lường tính chủ động và trách nhiệm của các tổ chức giáo dục trong mối tương quan với hiệu quả nghiên cứu.

Tại Việt Nam, cũng đã có nhiều tác giả nghiên cứu về tự chủ tài chính trong các trường đại học công lập. Trần Đức Cân (2012) đã tiếp cận nghiên cứu vấn đề tự chủ tài chính trong trường đại học công lập theo một phương pháp mới thông qua việc đo lường tính hiệu lực của quản lý tài chính theo các nội dung: quy mô nguồn thu, các khoản chi; cơ cấu nguồn thu, chi; hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước; diện tích đất đai, mặt bằng, nhà xưởng.../1 sinh viên; suất đầu tư/1 sinh viên; thu nhập tăng thêm của cán bộ viên chức; chênh lệch thu chi/tổng nguồn thu; cơ cấu giảng viên, tỷ lệ giảng viên/sinh viên; số lượng, chất lượng bài báo, công trình nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, có một số nhân tố (biến) trong nghiên cứu của tác giả chưa được đo lường một cách cụ thể, ví dụ như hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, tính hiệu lực của cơ chế tự chủ...

Vũ Thị Thanh Thủy (2012) đã xác định thang đo tự chủ tài chính của các trường đại học bằng tỷ lệ thu ngoài ngân sách nhà nước/tổng thu của trường và khả năng tự chủ, tự quyết định các danh mục, mức chi. Trên cơ sở phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới tự chủ tài chính, nghiên cứu đã chỉ rõ: thời gian hoạt động của trường đại học, điểm thi tuyển đầu vào, diện tích phòng học các loại, số giảng viên cơ hữu, tổng thu tài chính có liên quan đến tự chủ tài chính. Nghiên cứu của tác giả đã khẳng định tính quy luật trong mối quan hệ giữa các nhân tố với tự chủ tài chính trường đại học. Đây là đóng góp thực sự có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Song, tác giả chưa đánh giá một cách toàn diện về các yếu tố có tác động cùng chiều/ngược chiều với tự chủ tài chính.

Cơ sở lý thuyết

Theo Từ điển Tiếng Việt do Nguyễn Kim Thân (2005) biên soạn, “tài chính” được hiểu là (1) việc quản lý của cải xã hội tính bằng tiền theo những mục đích nhất định, hoặc, (2) tiền và sự thu, chi nói chung. “Quản lý” được hiểu theo 2 nghĩa: (1) Trông coi và giữ gìn theo những yêu cầu nhất định, hoặc, (2) Tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định. “Hiệu lực” được hiểu là “tác dụng thực tế, đúng như yêu cầu”. Theo OECD (1998), hiệu lực thể hiện mức độ hoàn thành các mục tiêu đã định của các hoạt động. Vậy “quản lý tài chính” trong một đơn vị có thể được hiểu theo nghĩa đơn giản nhất đó là *việc tổ chức và điều khiển các hoạt động thu, chi bằng tiền nói chung theo những yêu cầu nhất định*. Các lĩnh vực cụ thể của quản lý tài chính như quản lý nguồn thu, chi tài chính, lập kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch tài chính trên cơ sở tuân thủ các quy định. Xét một cách chung nhất, hiệu lực của quản lý tài chính thể hiện mức độ hoàn thành các mục tiêu liên quan đến các hoạt động tài chính trong suốt các giai đoạn của quá trình quản lý từ lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện và kiểm tra kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch tài chính.

Theo Luật Giáo dục Đại học (Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2012) và Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ (2015), quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động quản lý tài chính, tài sản của đại học công lập bao gồm việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch, lập dự toán ngân sách, tiếp nhận dự toán, phân bổ và giao dự toán; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định hiện hành; kiểm tra việc sử dụng nguồn tài chính, huy động và phát triển các nguồn thu, quản trị cơ sở dữ liệu; thực hiện chế độ kế toán và quyết toán ngân sách; thực hiện việc công khai tài chính. Như vậy, quản lý tài chính đại học là sự tác động của nhà quản lý tới các hoạt động tài chính trong đơn vị thông qua các công cụ quản lý tài chính được thiết lập nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trên cơ sở pháp luật hiện hành.

Trong bối cảnh tự chủ tài chính của các đại học là vấn đề tất yếu, Vũ Thị Thanh Thủy (2012) đã khái quát: “tự chủ tài chính các trường đại học công lập được hiểu là việc các trường đại học được quyền quyết định hoạt động tài chính của nhà trường, nhằm mục tiêu cuối cùng là đảm bảo thu đủ bù đắp chi phí tương ứng với đảm bảo chất lượng đào tạo, hướng tới bền vững về tài chính”.

Như vậy, các đại học phải tự đảm bảo được nguồn

thu của mình, cân đối thu – chi, đảm bảo bù đắp được chi phí và phải có tích lũy, quản lý tài chính tương tự như một doanh nghiệp độc lập. Tình hình mới đòi hỏi các đại học phải thay đổi trong quản lý tài chính, hướng tới bền vững tài chính nhằm đảm bảo các mục tiêu phát triển. Để thực hiện quản lý tài chính bao quát được các khía cạnh trên, các đại học thường sử dụng các công cụ quản lý như công tác kế hoạch, dự toán ngân sách; xây dựng, ban hành và áp dụng quy chế chi tiêu nội bộ; và hệ thống hạch toán kế toán, kiểm toán; tổ chức bộ máy quản lý tài chính. Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm nghiên cứu về quản lý tài chính, có thể thấy rằng bản chất của quản lý tài chính trong các đại học trong bối cảnh tự chủ về tài chính được thể hiện thông qua các nội dung bao gồm quản lý thu; quản lý chi, quản lý tài sản trên cơ sở đảm bảo sự tuân thủ các quy định quản lý tài chính. Xét theo quy trình, quản lý tài chính của đại học bao gồm: việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch, lập dự toán; tiếp nhận dự toán ngân sách và thực hiện phân bổ; thực hiện dự toán, quyết toán; tổ chức tạo nguồn và sử dụng nguồn tài chính; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn tài chính của các đơn vị trực thuộc; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Trong khuôn khổ bài viết, nhóm tác giả nghiên cứu quản lý tài chính theo các nội dung cơ bản: (1) Quản lý thu, (2) Quản lý chi, (3) Tuân thủ các quy định về quản lý tài chính trong bối cảnh phải tự chủ tài chính. Hiệu lực của quản lý tài chính thể hiện ở việc các trường đại học đạt được các mục tiêu liên quan đến ba nội dung cơ bản trên.

3. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp thu thập dữ liệu, nhóm tác giả sử dụng trong thu thập dữ liệu từ các văn bản, tài liệu liên quan đến quản lý tài chính đại học. Trong đó, tác giả tập trung vào phạm vi nghiên cứu là đại học vùng như các thông tư, nghị định của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với dữ liệu liên quan đến hoạt động của Đại học Thái Nguyên, nhóm tác giả thu thập các báo cáo tổng kết các đơn vị trực thuộc đại học Thái Nguyên từ năm 2013 đến 2016, trong đó chủ yếu là số liệu năm 2016 trên cơ sở so sánh tương quan với số liệu các năm 2013, 2014 và 2015; các văn bản quy định, quy chế của đại học Thái Nguyên về hoạt động của đại học này và các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng thu thập và nghiên cứu các tài liệu có liên quan như: các tài liệu về sứ mạng, tầm nhìn, chức năng của đại học Thái Nguyên và các đại học thành viên;

các báo cáo tổng hợp về hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác đào tạo và chuyển giao công nghệ, số liệu thống kê về sinh viên, học viên, giảng viên và cán bộ viên chức...

Về phương pháp phân tích dữ liệu, hiệu lực quản lý tài chính của đại học Thái Nguyên được đánh giá thông qua việc đạt được các mục tiêu: (i) Việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính đối với đại học vùng (quản lý thu, chi đúng quy định; phân bổ và sử dụng ngân sách đúng quy định); (ii) Thu đủ và Tăng thu; (iii) Tiết kiệm chi, chi đúng, chi hợp lý và thu đủ bù đắp chi và có tích lũy.

Từ dữ liệu thu thập được, nhóm tác giả thực hiện đánh giá hiệu lực quản lý tài chính của đại học Thái Nguyên ở các nội dung sau:

- Đánh giá việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính đối với đại học vùng của đại học Thái Nguyên trên cơ sở thực trạng quản lý tài chính tại đơn vị.

- Đánh giá mức độ tự chủ tài chính thông qua các nội dung quản lý thu, chi và đảm bảo mục tiêu hoạt động của đại học Thái Nguyên và các đơn vị thành viên thông qua nhóm các chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

+ Khả năng tự trang trải chi phí hoạt động thường xuyên

Mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị (%)

$$= \frac{\text{Tổng số nguồn thu sự nghiệp}}{\text{Tổng số chi hoạt động thường xuyên}} \times 100$$

Căn cứ vào chỉ tiêu này, những đơn vị có mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên từ 100% trở lên sẽ tự trang trải được các chi phí hoạt động của mình mà không cần nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Tỷ lệ tăng thu nhập cho cán bộ giảng viên

Tỷ lệ tăng thu nhập cho CBGV=

$\frac{\text{Mức lương bình quân năm N+1}}{\text{Mức lương bình quân năm N}}$

Mức lương cán bộ giảng viên tăng trưởng ổn định là một trong những điều kiện để tái sản xuất sức lao động của cán bộ giảng viên và đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Tỷ trọng từng mục chi trong tổng chi

Tỷ trọng mục chi a = $\frac{\text{Tổng chi mục a}}{\text{Tổng chi}}$

Tỷ trọng của từng mục chi phản ánh mức độ chi cho các hoạt động của đơn vị, qua đó cho thấy đơn vị thực hiện phân bổ kinh phí có phù hợp với định hướng, mục tiêu và hoạt động của mình hay không.

+ Tỷ trọng của từng nguồn thu

Tỷ trọng từng nguồn thu =

Số thu được từng nguồn thu

Tổng thu

Chỉ tiêu này cho biết cơ cấu thu trong tổng nguồn thu của các trường đại học, trên cơ sở đó nhận biết hoạt động nào mang lại nguồn thu chính cho trường và thực tế quản lý thu có đáp ứng được các yêu cầu về định hướng phát triển chiến lược của trường hay không.

4. Kết quả và thảo luận

Đánh giá hiệu lực quản lý tài chính của đại học Thái Nguyên

Thứ nhất, về việc tuân thủ các quy định quản lý tài chính, về cơ bản, các hoạt động tổ chức, quản lý nói chung và quản lý tài chính nói riêng tại đại học Thái Nguyên được thực hiện tương đối nghiêm túc theo quy định của pháp luật, có cơ sở chặt chẽ và luôn có sự giám sát trong quá trình thực hiện. Đại học tổ chức bộ máy quản lý tài chính theo quy chế tổ chức hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên được quy định tại Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo (2014); thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ (2006) ngày 25 tháng 4 năm 2006.

Bằng việc ban hành quy chế quản lý tài chính theo Quyết định số 1599/QĐ-ĐHTN ngày 17 tháng 9 năm 2014 của đại học Thái Nguyên (2014), đại học này đã thực hiện thống nhất nguyên tắc quản lý tài chính trong toàn đại học. Quy chế quản lý tài chính của đại học quy định rõ ràng sự phân cấp quản lý trong hệ thống quản lý ngân sách của đại học; quy định chi tiết việc quản lý và điều hành ngân sách nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc, bao gồm: lập kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước, quản lý và điều hành ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước. Quy chế này được thiết lập đảm bảo tính tự chủ trong quản lý tài chính của các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc, song cũng duy trì một hệ thống quản lý thống nhất

Bảng 1: Mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Thái Nguyên năm 2016

Đơn vị tính: tỷ VNĐ.

Chỉ tiêu	Đại học Sư phạm	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Đại học Nông Lâm	Đại học Y – Dược	Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh	Đại học Khoa học	Đại học Công nghệ Thông tin & Truyền thông	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật
Tổng thu sự nghiệp	50,51	79,46	112,79	131,23	61,17	49,84	41,93	8,3
Tổng chi thường xuyên	151,12	113,36	97,05	105,28	71,68	37,05	62,1	29,02
Mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên	33,42%	70,10%	116,19%	124,65 %	85,34%	74,33 %	67,52%	28,60%

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp từ số liệu của đại học Thái Nguyên.

trong toàn đại học.

Theo quy chế này, các đơn vị trực thuộc đại học Thái Nguyên chịu trách nhiệm thực hiện và hướng các đơn vị trực thuộc mình thực hiện thống nhất chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Đại học tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán thường xuyên, định kỳ với các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc, bao gồm cả trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Cuối niên độ kế toán, các trường thành viên và các đơn vị trực thuộc phải thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán theo quy định; thực hiện khóa sổ kế toán và xử lý kinh phí cuối năm theo chế độ. Các thành viên có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm tra, xét duyệt báo cáo quyết toán các đơn vị trực thuộc, báo cáo đại học theo quy định hiện hành của Nhà nước và của đại học.

Ban kế hoạch tài chính của đại học có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định, xét duyệt quyết toán của các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc đại học, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo theo chế độ quy định; tổng hợp và báo cáo về việc xử lý, báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán tại các đơn vị dự toán được thanh tra, kiểm toán. Thực hiện công khai tài chính hàng năm theo quy định đối với toàn đại học và các đơn vị thành viên.

Thứ hai, về quản lý chi, mức độ đảm bảo chi thường xuyên của đại học được thể hiện thông qua các số liệu trong Bảng 1.

Năm 2016 chỉ có 2/8 đơn vị thành viên của đại học đã đủ khả năng tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên. Ngoài trừ trường sư phạm không thu học phí đại học chính quy, thì có thể thấy trường cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật có mức tự chủ tương đối thấp. Nhìn chung, khả năng tự chủ tài chính của các đơn vị thành viên đại học Thái Nguyên chưa cao. Đây thực sự là thách thức lớn đối với quá trình tiến tới tự chủ tài chính hoàn toàn của đại học Thái Nguyên.

Cơ cấu chi hiện nay của các đơn vị thành viên trong đại học Thái Nguyên chưa hợp lý. Theo kết quả tính toán trong Bảng 2, khoản chi cho cá nhân chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi của các đơn vị, dao động từ 30,7% đến 62,4%. Tiếp theo là chi cho nghiệp vụ chuyên môn trên tổng chi chiếm khoảng 12,3% đến 25,7%. Chi cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chiếm một tỷ trọng rất thấp trong tổng chi, dao động trong khoảng từ 0,6% đến 2,8% trên tổng chi. Chi cho đào tạo và bồi dưỡng cán bộ hầu như không đáng kể, ví dụ tại trường đại học Sư phạm tỷ trọng này là 0,1%. Như vậy, cơ cấu chi hiện tại chưa đảm bảo được việc thực hiện mục tiêu, sứ mạng của đại học Thái Nguyên là một đại học vùng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chất lượng cao. Cơ cấu chi cho thấy các đơn vị hiện vẫn tập trung phát triển đào tạo, mở rộng quy mô, hình thức đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như điều kiện cơ sở vật chất nhằm thu hút người học, đặc biệt là đối với các trường mới thành lập như đại học Khoa học, đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh,

Bảng 2. Tỷ trọng các mục chi của các đơn vị giáo dục đại học thành viên Đại học Thái Nguyên năm 2016

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Đại học Sur phạm	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp		Đại học Nông Lâm		Đại học Y – Dược		Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh		Đại học Khoa học		Đại học Công nghệ Thông tin & Truyền thông		Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật			
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ		
TỔNG CHI	163,4	100%	114,9	100%	104,2	100%	148,2	100%	72,1	100%	70,1	100%	63,4	100%	29,7	100%
Chi cá nhân	82,6	50,6%	64,0	55,7%	60,8	58,4%	45,5	30,7%	3,8	5,2%	36,91	52,7%	39,58	62,4%	17,63	59,5%
Chi nghiệp vụ chuyên môn	382	23,4%	14,1	12,3%	17,1	16,5%	20,4	13,7%	18,5	25,7%	9,65	13,8%	12,42	19,6%	6,97	23,5%
Mua sắm, sửa chữa tài sản	1,0	0,6%	1,9	1,6%	0,8	0,7%	41,7	28,1%	0,1	0,1%	0,72	1,0%	-	-	0,34	1,1%
Chi khác	29,3	18%	33,4	29%	18,4	17,6%	39,3	26,5%	13,3	18,5%	19,77	28,2%	10,11	15,9%	4,09	13,8%
Chi cho hoạt động Nghiên cứu khoa học	4,4	2,7%	0,7	0,6%	6,2	5,9%	0,9	0,6%	0,4	0,6%	1,99	2,8%	1,13	1,8%	-	-
Chi đào tạo học sinh Lào	7,2	4,4%	-	-	-	-	0,4	0,3%	0,1	0,1%	0,42	0,6%	0,12	0,2%	-	-
Chi hoạt động điều tra, khảo sát	-	-	-	-	-	-	0,1	0,1%	-	-	-	-	-	-	-	-
Đào tạo Đại học (không thường xuyên)	0,4	0,3%	0,8	0,7%	0,8	0,8%	-	-	-	-	0,62	0,9%	0,06	0,1%	0,63	2,1%
Đào tạo Sau Đại học đề án 911	0,1	0,1%	-	-	0,2	0,2%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ	0,1	0,1%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp và tính.

Bảng 3: Cơ cấu nguồn thu của các đơn vị giáo dục đại học thành viên Đại học năm 2016

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

ST T	Đơn vị	Tổng thu (100%)	Nguồn thu							
			Từ ngân sách nhà nước		Từ học phí, lệ phí		Từ liên kết quốc tế		Thu khác	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Đại học Sư phạm	145,62	95,1 1	65,31 %	40,93	28,11%	-	0,00%	9,58	6,58%
2	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	102,97	23,5 1	22,83 %	72,88	70,78%	-	0,00%	6,58	6,39%
3	Đại học Nông Lâm	149,59	36,8 0	24,60 %	84,26	56,33%	3,0 7	2,05%	25,46	17,02 %
4	Đại học Y – Dược	195,60	64,3 7	32,91 %	90,97	46,51%	-	0,00%	40,26	20,58 %
5	Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh	77,00	15,8 3	20,56 %	54,24	70,44%	3,6 0	4,68%	3,33	4,32%
6	Đại học Khoa học	79,11	29,2 8	37,01 %	47,07	59,50%	-	0,00%	2,76	3,49%
7	Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông	65,98	24,0 4	36,44 %	39,27	59,52%	-	0,00%	2,66	4,03%
8	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	28,94	20,6 4	71,32 %	7,85	27,13%	-	0,00%	0,45	1,55%

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp.

đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

Thứ ba, về quản lý thu, căn cứ vào số liệu được trình bày tại Bảng 3 có thể thấy tỷ trọng thu từ ngân sách nhà nước vẫn chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng thu của các đơn vị thành viên đại học. Ngoại trừ trường Sư phạm có đặc thù không thu học phí đại học chính quy, có tỷ trọng thu từ ngân sách nhà nước chiếm 65,31%, trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật có tỷ lệ thu từ ngân sách nhà nước chiếm tới 71,32%. Đối với các đơn vị khác, thu từ ngân sách nhà nước chiếm từ 20,56% đến 37,01%. Nguồn thu sự nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là từ học phí, lệ phí với tỷ trọng từ 27,13% đến 70,28%. Tuy nhiên, nguồn thu này phụ thuộc phần lớn vào khả năng tuyển sinh mỗi năm. Trong những năm gần đây, khả năng tuyển sinh hệ phi chính quy khá khó khăn do sự cạnh tranh gay gắt từ các đại học trên cả nước, cộng hưởng với sự lựa chọn nghề nghiệp của người học ngày một đa dạng hơn, phương thức xét tuyển đại học thay đổi nhiều so với trước kia. Các nguồn thu từ liên kết đào tạo quốc tế khá thấp chiếm khoảng từ 0% đến 4,68%. Các nguồn thu sự nghiệp khác chủ yếu thu từ các lớp đào tạo ngắn hạn, các trung tâm và các dịch vụ khác song cũng không chiếm tỷ trọng cao. Thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công

nghệ hầu như không đáng kể.

Nguồn thu hạn hẹp có ảnh hưởng khá lớn tới nỗ lực tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên tại các đơn vị. Nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn nhất là thu từ học phí nhưng lại hạn chế và không ổn định, đã trực tiếp ảnh hưởng tới khả năng tăng thu nhập bình quân trên một giáo viên. Bảng 4 thể hiện tỷ lệ tăng thu nhập cho cán bộ giảng viên của các cơ sở giáo dục thuộc đại học Thái Nguyên từ năm 2014 đến 2016. Năm 2016 xét trên phạm vi toàn bộ đại học, thu nhập bình quân của cán bộ giảng viên tại trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật ở mức thấp nhất (58,1 triệu đồng/người/năm) và của trường Đại học Sư phạm là cao nhất với mức 102,5 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng tiền lương của cán bộ giảng viên năm 2016 so với 2015 và 2014 là không đáng kể. Cá biệt có đơn vị (bao gồm trường Đại học Khoa học và trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh) mức thu nhập bình quân của cán bộ giảng viên năm 2016 còn giảm so với năm 2015. Tại trường Kỹ thuật Công nghiệp và Đại Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, mức thu nhập bình quân của cán bộ giảng viên năm 2016 còn thấp hơn mức bình quân của năm 2014.

5. Kết luận, khuyến nghị và giải pháp

Bảng 4: Tỷ lệ tăng thu nhập cho cán bộ giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Thái Nguyên

Đơn vị tính: triệu đồng/người/năm

STT	Đơn vị	Năm							
		2013		2014		2015		2016	
		Số tiền	Số tiền	Tỷ lệ tăng so với năm trước	Số tiền	Tỷ lệ tăng so với năm trước	Số tiền	Tỷ lệ tăng so với năm trước	
1	Đại học Sư phạm	94,8	90,0	94,94%	91,8	102,00%	102,5	111,66%	
2	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	88,8	75,6	85,14%	77,4	102,38%	81,21	104,92%	
3	Đại học Nông Lâm	125,0	128,0	102,40%	95,0	74,22%	101,25	106,58%	
4	Đại học Y – Dược	86,4	89,4	103,47%	91,2	102,01%	95,15	104,33%	
5	Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh	62,93	78,52	124,77%	88,35	112,52%	72,13	81,64%	
6	Đại học Khoa học	74,78	65,29	87,31%	71,42	109,39%	69,07	96,71%	
7	Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông	63,0	54,0	85,71%	60,0	111,11%	73,02	121,70%	
8	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	48,0	50,4	105,00%	51,0	101,19%	58,1	113,92%	

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ số liệu các đơn vị thành viên cung cấp.

5.1. Kết quả phân tích dữ liệu

Trên cơ sở phân tích dữ liệu, nhóm tác giả tóm lược các vấn đề chính thuộc về thực trạng quản lý tài chính tại đại học Thái Nguyên như sau:

Thứ nhất, nguồn thu chủ yếu của các đơn vị thành viên hiện nay là từ học phí, lệ phí nên lệ thuộc vào khả năng tuyển sinh hàng năm. Tuy nhiên, nguồn thu này khá hạn chế do sức ép cạnh tranh trên thị trường giáo dục, nhu cầu của người học thay đổi đáng kể, và sức hút của các trường đại học thành viên của đại học Thái Nguyên đối với người học chưa cao. Nguồn thu về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn rất hạn chế.

Thứ hai, khả năng tự chủ về tài chính của các đơn vị thành viên trong đại học còn hạn chế. Nguồn thu thấp và không ổn định trong khi tổng chi thường xuyên liên tục tăng qua các năm khiến cho mức tự chủ tài chính của đại học Thái Nguyên là tương đối thấp. Thu không đủ bù đắp chi và không có tích lũy cho các mục tiêu phát triển cả về chất lượng và quy mô các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học và cho đầu tư phát triển đại học.

Thứ ba, mức tăng thu nhập bình quân của cán bộ giảng viên qua các năm không ổn định do phụ thuộc vào nguồn thu học phí của sinh viên. Thu nhập bình quân của cán bộ giảng viên các đơn vị trực thuộc đại học Thái Nguyên chưa cao.

Thứ tư, cơ cấu chi trong tổng chi chưa hợp lý, chưa đáp ứng được mục tiêu hoạt động và phát triển của một đại học vùng. Chi tiền công, tiền lương và các khoản chi cá nhân chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi thường xuyên của các đơn vị. Tỷ lệ chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chiếm một tỷ trọng rất thấp trong tổng chi. Điều này cho thấy một thực tế rằng đại học Thái Nguyên nói chung và các cơ sở giáo dục thành viên nói riêng chưa đạt được mục tiêu “định hướng nghiên cứu” trong mục tiêu phát triển.

5.2. Khuyến nghị và giải pháp

Như kết quả phân tích, tổng hợp và rút ra kết luận, hiệu lực quản lý tài chính của đại học Thái Nguyên còn hạn chế. Trong lộ trình tiến tới tự chủ tài chính hoàn toàn, đại học vùng nói chung và đại học Thái Nguyên nói riêng cần phải đạt tới khả năng tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên. Trên cơ sở việc phân tích thực trạng và nguyên nhân, nhóm tác giả nghiên cứu đề xuất các giải pháp sau:

5.2.1. Về giải pháp tăng nguồn thu

Tăng thu từ dịch vụ giáo dục đại học: Để tăng thu từ học phí, đại học Thái Nguyên và các trường thành viên có thể lựa chọn các cách sau: (1) Tăng mức thu học phí; (2) Mở rộng quy mô đào tạo bằng tăng chỉ tiêu tuyển sinh, đa dạng loại hình đào tạo, ngành nghề đào tạo; hoặc kết hợp cả hai. Tuy nhiên, để tăng được học phí thì đại học cần được giao quyền

tự chủ tài chính hoàn toàn, đặc biệt là tự chủ trong việc xác định mức học phí và quy mô đào tạo trên nguyên tắc tính đủ chi phí đào tạo. Điều kiện tiên quyết của khả năng tăng thu học phí là nâng cao chất lượng giảng dạy và đầu tư cơ sở vật chất hiện đại cho hoạt động đào tạo. Việc tăng học phí cũng cần phải được thực hiện theo lộ trình và hướng đến đối tượng phục vụ của từng đơn vị thành viên. Bên cạnh tăng học phí, đại học Thái Nguyên cũng cần xem xét khả năng mở rộng quy mô đào tạo bằng cách đa dạng các loại hình đào tạo và mở rộng ngành nghề, lĩnh vực đào tạo.

Tăng thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: Để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong cán bộ giảng viên, đại học và các đơn vị thành viên cần có một mức độ đầu tư hợp lý hơn cho nghiên cứu khoa học cũng như điều chỉnh định mức chi cho đề tài nghiên cứu; tăng cường hợp tác với các đơn vị nghiên cứu, đào tạo khác, các đơn vị, tổ chức ngoài đại học nhằm phối hợp nghiên cứu, triển khai các ứng dụng khoa học cũng như nghiên cứu theo đơn đặt hàng.

Tăng thu từ các hoạt động sự nghiệp khác: Các đơn vị có thể tăng thu từ các hoạt động sự nghiệp khác như tăng cường hợp tác liên kết đào tạo với nước ngoài trong bối cảnh nền kinh tế đang có sự hội nhập sâu rộng. Tùy theo đặc thù của từng ngành đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học thành viên nói

riêng và đại học Thái Nguyên nói chung có thể xây dựng mô hình doanh nghiệp trong đại học, vừa là nơi để người học rèn nghề, vừa mang sản phẩm ra thử sức với thị trường, cũng là một nguồn để tăng thu khi sản phẩm do đào tạo ra có chỗ đứng trên thị trường. Đồng thời, đây cũng là một cách quảng bá hình ảnh tốt, tạo độ tin cậy cao.

5.2.2. Về giải pháp quản lý chi

- Xây dựng và hoàn thiện quy chế chi tiêu phù hợp với điều kiện thực tế, quy định các mức thu, khoản thu rõ ràng, minh bạch.

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động thu – chi.

- Tăng cường kiểm soát tài chính, bao gồm:

+ Kiểm soát quá trình lập dự toán thu, chi của đại học và các đơn vị thành viên.

+ Kiểm soát quá trình thực hiện thu – chi trong đơn vị, thực hiện giám sát, kiểm tra liên tục, hàng ngày đối với các hoạt động tài chính, nghiệp vụ tài chính phát sinh để từ đó phát hiện kịp thời những sai sót, vi phạm chính sách, kỷ luật tài chính.

+ Xem xét lại tính đúng đắn, hợp lý, xác thực của các hoạt động tài chính cũng như các số liệu, tài liệu tổng hợp được đưa ra trong các sổ sách, báo cáo, từ đó tổng kết, phát hiện sai phạm và rút ra bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tài chính kỳ sau.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (2014), *Thông tư số 08/2014/TT-BGD Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và cơ sở giáo dục đại học thành viên*, ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2014.
- Chính phủ (2015), *Nghị định 16/2015/NĐ-CP về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*, ban hành ngày 14 tháng 2 năm 2015.
- Chính phủ (2006), *Nghị định 43/2006/NĐ-CP về Quy định quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*, ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2006.
- Estelle James, Elizabeth M. King & Ace Suryadi (1996), *Finance, management, and costs of public and private schools in Indonesia*, Ministry of Education and Culture, Jakarta, Indonesia.
- Đại học Thái Nguyên (2014), *Quyết định số 1599/QĐ – ĐHTN về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính*, ban hành ngày 17 tháng 9 năm 2014.
- Michael Mitsopoulos, Pelagidis Theodore (2008), ‘Comparing the administrative and financial autonomy of higher education institutions in 7 EU countries’, *Intereconomics, Springer Science & Business Media*, 43(5), 282-288.
- Nguyễn Kim Thân (biên soạn, 2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà Xuất bản Văn hóa Sài Gòn.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục Đại học*, ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012.
- Trần Đức Căn (2012), ‘Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính các trường đại học công lập ở Việt Nam’, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Vũ Thị Thanh Thủy (2012), ‘Quản lý tài chính các trường đại học công lập ở Việt Nam’, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.